

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
quý II năm 2022 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật**

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2015/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 292/QĐ-SNN, ngày 02/02/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Quyết định số 1094/QĐ-SNN ngày 31/12/2021 của của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2022 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Giao phòng Hành chính, Tổng hợp có trách nhiệm công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2022 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp; Trưởng các phòng, trạm, trại Thực nghiệm thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3
- Sở NNNT (để báo cáo);
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các Phòng, Trạm, Trại TN;
- Lưu VT, TH (Đ03b).

CHI CỤC TRƯỞNG



Lê Văn Thành

Chương: 412

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 07 Năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 394/QĐ-TTBVT, ngày 08/07/2022 của Chi cục Trồng trọt và BVTV)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II/năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	50	115,65	231,3	205,4
1	Lệ phí	0	0,45	100,00	
	Lệ phí công bố hợp chuẩn, hợp quy		0,45	100,00	
2	Phí	50	115,2	230,4	
	Phí thẩm định đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV, Quảng cáo	40	66,4	166,0	
	Phí thẩm định nội dung quảng cáo thuốc BVTV		6,6	100,0	
	Phí thẩm định đủ điều kiện buôn bán phân bón	10	42,2	422,0	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	38	88,51	232,9	204,9
	Chi quản lý hành chính	38	88,51	232,9	
	Chi lương	15	35,40	236,0	
	Chi phục vụ công tác thu	23	53,11	230,9	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	12	27,14	226,2	207,2
1	Lệ phí	0	0,45	100	
	Lệ phí công bố hợp chuẩn, hợp quy		0,45	100	
2	Phí	12	26,69	222,4	
	Phí thẩm định đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV, Quảng cáo	10	16,60	166,0	
	Phí thẩm định nội dung quảng cáo thuốc BVTV		1,65	100,0	
	Phí thẩm định đủ điều kiện buôn bán phân bón	2	8,44	422,0	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	14.011	3.077	22	95,2
1	Chi quản lý hành chính	5.512	1.024	19	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.812	673	24	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.700	352	13	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quýII/năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6	Chi hoạt động kinh tế	8.499	2.053	24	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.390	1.943	23	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	109	109	100	
II	Nguồn vốn viện trợ				